

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

(Hợp đồng số 25.10/2024/HĐ-TCXD ngày 25 tháng 10 năm 2024)

GÓI THẦU: XÂY LẬP
CÔNG TRÌNH: NẠO VẾT, SỬA CHỮA CÁC TUYẾN KÊNH THUỶ LỢI NỘI
ĐỒNG NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KIẾN QUỐC NĂM 2024
CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIẾN QUỐC
NHÀ THẦU THI CÔNG: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỊNH SƠN

Hải Phòng, năm 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN

Hợp đồng thi công xây dựng số 25.10/2024/HĐ-TCXD ngày 25 tháng 10 năm 2024 giữa Ủy ban nhân dân xã Kiến Quốc và Công ty TNHH Xây dựng Định Sơn về việc thi công Gói thầu: Xây lắp thuộc công trình: Nạo vét, sửa chữa các tuyến kênh thủy lợi nội đồng năm 2024 trên địa bàn xã Kiến Quốc năm 2024

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật xây dựng;
- Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội; Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội;
- Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội; Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội;
- Các Nghị định của Chính phủ về Quản lý chất lượng và Chi phí đầu tư xây dựng: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 và số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021;
- Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ về việc Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội;
- Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 6: Gói thầu xây lắp thuộc công trình Nạo vét, sửa chữa các tuyến kênh thủy lợi nội đồng năm 2024 trên địa bàn xã Kiến Quốc năm 2024;
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm, quy định pháp luật hiện hành và hồ sơ, văn bản và tài liệu khác có liên quan.

II. THUYẾT MINH GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN

1. Giá trị theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng

Tổng giá trị hợp đồng và các PLHĐ (đã bao gồm VAT): **291.481.000** đồng

2. Giá trị thực hiện theo Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng

2.1. Về khối lượng công việc hoàn thành, quyết toán

Xác định trên cơ sở Bảng tổng hợp khối lượng quyết toán.

(Chi tiết Bảng tổng hợp khối lượng quyết toán kèm theo)

2.2. Về chất lượng

Gói thầu Xây lắp thuộc công trình: Nạo vét, sửa chữa các tuyến kênh thủy lợi nội động năm 2024 trên địa bàn xã Kiến Quốc năm 2024 đã được triển khai thi công đạt yêu về chất lượng công trình theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

2.3. Về đơn giá

Đơn giá quyết toán được xác định bằng đơn giá theo hợp đồng số 25.10/2024/HĐ-TCXD ngày 25 tháng 10 năm 2024 giữa Ủy ban nhân dân xã Kiến Quốc và Công ty TNHH Xây dựng Định Sơn.

3. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày.

III. GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN

Trên cơ sở các nội dung tổng hợp nêu trên, giá trị quyết toán Gói thầu: Xây lắp thuộc công trình: Nạo vét, sửa chữa các tuyến kênh thủy lợi nội động năm 2024 trên địa bàn xã Kiến Quốc năm 2024 được xác định như sau:

1. Tổng giá trị hợp đồng và các PLHD

Tổng giá trị hợp đồng và các PLHD (đã bao gồm VAT): **291.481.000** đồng

2. Giá trị quyết toán, giá trị đề nghị quyết toán chi tiết đối với từng nhà thầu

Tổng giá trị đề nghị quyết toán (đã bao gồm VAT): **290.409.000** đồng

(Bằng chữ: Hai trăm chín mươi triệu, bốn trăm không chín ngàn đồng)

(Chi tiết tại Bảng tổng hợp giá trị quyết toán kèm theo)

Công ty TNHH xây dựng Định Sơn kính trình Ủy ban nhân dân xã Kiến Quốc xem xét và phê duyệt.

Xin trân trọng cảm ơn!

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIẾN QUỐC

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỊNH SƠN

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Công trình : Nạo vét, sửa chữa các tuyến kênh thủy lợi nội đồng năm 2024 trên địa bàn xã Kiến Quốc năm 2024

Gói thầu số 6: Xây lắp

Hợp đồng số: 25.10/2024/HD-TCXD ngày 25/10/2024

Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Kiến Quốc

Nhà thầu thi công: Công ty TNHH xây dựng Định Sơn

Thanh toán lần thứ: Quyết toán

Các căn cứ xác định:

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng ngày.....

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ TÍNH	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THEO HỢP ĐỒNG	ĐỒNG	291.481.000	
2	GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG	ĐỒNG	290.409.000	
3	GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG	ĐỒNG		
4	SỐ TIỀN ĐÃ THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG HÀN THÀNH ĐẾN CUỐI KỲ TRƯỚC	ĐỒNG		
5	GIÁ TRỊ TẠM ỨNG HỢP ĐỒNG CÒN LẠI CHƯA THU HỒI ĐẾN CUỐI KỲ TRƯỚC	ĐỒNG		
6	THANH TOÁN ĐỀ THU HỒI TẠM ỨNG	ĐỒNG		
7	GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN KỲ NÀY	ĐỒNG	290.409.000	
8	LƯỖY KẾ GIÁ TRỊ THANH TOÁN	ĐỒNG	290.409.000	

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

Kiến Quốc, ngày tháng năm 2024

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Công trình : Nạo vét, sửa chữa các tuyến kênh thủy lợi nội đồng năm 2024 trên địa bàn xã Kiến Quốc năm 2024

Gói thầu số 6: Xây lắp

Hợp đồng số: 25.10/2024/HD-TCXD ngày 25/10/2024

Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Kiến Quốc

Nhà thầu thi công: Công ty TNHH xây dựng Định Sơn

Thanh toán lần thứ: Quyết toán

Các căn cứ xác định:

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng ngày.....

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá Hợp đồng	Thành tiền			Ghi chú		
			Theo hợp đồng	Thực hiện			Theo Hợp đồng	Thực hiện				
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ trước		Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m3, đất cấp II	100m3	13,501	0	13,501	13,501	2.511.527	33.908.610	-	33.908.610	33.908.610	
2	Đào bùn trong mọi điều kiện, bùn lẫn rác	m3	337,532	0	337,532	337,532	288.909	97.516.110	-	97.516.110	97.516.110	
3	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m3, đất cấp II	100m3	13,355	0	13,355	13,355	1.181.113	15.774.596	-	15.774.596	15.774.596	
4	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công, dung trọng <= 1,45 T/m3	m3	333,893	0	333,893	333,893	164.678	54.985.017	-	54.985.017	54.985.017	
5	Phát rừng tạo mặt bằng bằng thủ công. Phát rừng loại II, mật độ cây tiêu chuẩn trên 100m2 rừng : > 5 cây	100m2	27,876	0	26,746	26,746	947.622	26.416.677	-	25.345.098	25.345.098	
6	Cà máy vận chuyển máy xúc, phao thép (đi, về)	ca	4	0	4	4	3.695.074	14.780.297	-	14.780.297	14.780.297	
7	Cà phao thép	ca	120	0	120	120	47.666	5.719.975	-	5.719.975	5.719.975	
8	Lắp đặt ống bê tông bằng cần cẩu, đoạn ống dài 1m, đường kính <=1000mm	đoạn ống	16	0	16	16	2.093.277	33.492.433	-	33.492.433	33.492.433	
9	Đắp đất lưng cống buy	m3	53,969	0	53,969	53,969	164.678	8.887.653	-	8.887.653	8.887.653	
	TỔNG CỘNG (đã bao gồm thuế VAT)							291.481.368	0	290.409.789	290.409.789	
	TỔNG CỘNG (đã bao gồm thuế VAT) LÀM TRÒN							291.481.000	0	290.409.000	290.409.000	

1. Giá trị hợp đồng:

2. Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:

6. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này:

Số tiền bằng chữ:.

Hai trăm chín mươi triệu, bốn trăm không chín ngàn đồng./.

7. Lũy kế giá trị giải ngân:

Trong đó:

- Tạm ứng:

- Thanh toán khối lượng hoàn thành:

291.481.000 đồng

- đồng

- đồng

290.409.000 đồng

- đồng

290.409.000 đồng

290.409.000 đồng

- đồng

290.409.000 đồng

Kiến Quốc., ngày tháng năm 2024

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

BẢNG GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN

Công trình : Nạo vét, sửa chữa các tuyến kênh thủy lợi nội đồng năm 2024 trên địa bàn xã Kiến Quốc
Gói thầu: Xây lắp
Hợp đồng số: 25.10/2024/HĐ-TCXD ngày 25/10/2024
Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Kiến Quốc
Nhà thầu thi công: Công ty TNHH xây dựng Định Sơn

ST T	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)			Ghi chú
			Theo hợp đồng	Quyết toán		Theo hợp đồng	Quyết toán	Chênh lệch	
1	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m3, đất cấp II	100m3	13,501	13,5012	2.511.526	33.908.609	33.908.609	0	
2	Đào bùn trong mọi điều kiện, bùn lẫn rác	m3	337,532	337,5320	288.909	97.516.110	97.516.110	0	
3	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m3, đất cấp II	100m3	13,356	13,356	1.181.113	15.774.596	15.774.596	0	
4	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công, dung trọng <= 1,45 T/m3	m3	333,894	333,894	164.678	54.985.017	54.985.017	-	
5	Phát rừng tạo mặt bằng bằng thủ công. Phát rừng loại II, mật độ cây tiêu chuẩn trên 100m2 rừng : > 5 cây	100m2	27,877	26,746	947.622	26.416.676	25.345.105	- 1.071.571	
6	Ca máy vận chuyển máy xúc, phao thép (đi, về)	ca	4,	4,	3.695.074	14.780.296	14.780.296	-	
7	Ca phao thép	ca	120,	120,	47.666	5.719.974	5.719.974	-	
8	Lắp đặt ống bê tông bằng cần cẩu, đoạn ống dài 1m, đường kính <=1000mm	đoạn ống	16,	16,	2.093.277	33.492.432	33.492.432	-	
9	Đắp đất lưng cống buy	m3	53,97	53,97	164.678	8.887.652	8.887.652	-	
	TỔNG CỘNG					291.481.362	290.409.791	-1.071.571	
	LÀM TRÒN					291.481.000	290.409.000	-1.071.000	
<i>Bảng chữ: Hai trăm chín mươi triệu, bốn trăm không chín ngàn đồng./.</i>									

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG QUYẾT TOÁN

Công trình : Nạo vét, sửa chữa các tuyến kênh thủy lợi nội đồng năm 2024 trên địa bàn xã
Kiến Quốc năm 2024

Gói thầu: Xây lắp
Hợp đồng số: 25.10/2024/HĐ-TCXD ngày 25/10/2024
Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Kiến Quốc
Nhà thầu thi công: Công ty TNHH xây dựng Định Sơn

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng			Ghi chú
			Theo hợp đồng	Quyết toán	Chênh lệch	
1	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m3, đất cấp II	100m3	13,501	13,5012	-	
2	Đào bùn trong mọi điều kiện, bùn lẫn rác	m3	337,532	337,5320	-	
3	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m3, đất cấp II	100m3	13,356	13,356	-	
4	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công, dung trọng <= 1,45 T/m3	m3	333,894	333,894	-	
5	Phát rừng tạo mặt bằng bằng thủ công. Phát rừng loại II, mật độ cây tiêu chuẩn trên 100m2 rừng : > 5 cây	100m2	27,877	26,746	- 1,131	
6	Ca máy vận chuyển máy xúc, phao thép (đi, về)	ca	4,	4,	-	
7	Ca phao thép	ca	120,	120,	-	
8	Lắp đặt ống bê tông bằng cần cẩu, đoạn ống dài 1m, đường kính <=1000mm	đoạn ống	16,	16,	-	
9	Đắp đất lưng cống buy	m3	53,97	53,97	-	

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU